

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Chính.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số 8, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố số 8, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; hiện đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05 tháng 3 năm 2024, biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 06/9/2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B nghiện ma túy, không có trách nhiệm với vợ con. Hiện anh B đang cai nghiện ma túy tại trại số 02 huyện T, thành phố Hải Phòng. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/7/2013 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/10/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2024, bị đơn là anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng ngày 06/9/2013; hiện anh đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh không đồng ý ly hôn, vì vẫn còn tình cảm với chị L.

- Về con chung: Anh B và chị L có 02 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/7/2013 và Nguyễn Ngọc D sinh ngày, 18/10/2015. Trường hợp anh và chị L ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc D; giao con chung Nguyễn Đức T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi chị L và anh B sinh sống cũng như ý kiến của gia đình: Quá trình chung sống, chị L và anh B có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh B nghiện ma túy nên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ vợ chồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của

nguyên đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/7/2013 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/10/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Nguyễn Thanh B, có đăng ký thường trú tại: Tổ dân phố số 8, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, anh B và chị L vắng mặt và có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/9/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của chị L và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh B nghiện ma túy. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, chị L không còn yêu thương anh B được thể hiện bằng việc chị L đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh B đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Hội đồng

xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của chị L về việc ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh B có 02 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/7/2013 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/10/2015. Hội đồng xét xử thấy cả 02 cháu đều còn nhỏ và có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn, anh B lại đang cai nghiện ma túy nên không có điều kiện để chăm sóc các con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung khi ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 16/7/2013 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 18/10/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0004797 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND xã H;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

